TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2017/DSST
Ngày: 28-7-2017.
V/v**:** "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ha Tông

Ông Păng Ting Nôck

Thư ký phiên tòa*:* Bà Trần Thị Hương - Cán bộ Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt tham gia phiên tòa*:* Bà Chu Thị Dịu – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2017/TLST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2017 về *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản".* Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2017/QĐST-DS ngày 29/5/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị P; Cư trú tại: Số 13, đường T, phường X, thành phố Đ, *có mặt tại phiên tòa*.

Bị đơn: Bà Trần Thị L; Cư trú tại: Số 23, đường M, phường X, thành phố Đ, *vắng mặt tại phiên tòa*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp tại Tòa án thành phố Đà Lạt ngày 13/01/2017 và các tài liệu khác có trong hồ sơ nguyên đơn bà Trịnh Thị P trình bày*:* Bà P và bà L có quan hệ quen biết, do bà L cần tiền để giải quyết công việc riêng nên Bà P đã cho bà L vay tiền nhiều lần tổng cộng số tiền là 129.000.000đ. Cụ thể, các lần

Bà P cho bà L vay như sau: Lần 1: Ngày 02/3/2016 Bà P cho bà L vay 30.000.000đ, khi vay hai bên có viết giấy mượn tiền, các bên không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả nợ là ngày 02/6/2016. Lần 2: Ngày 24/11/2016 Bà P cho bà L vay 86.000.000đ, khi vay hai bên có viết giấy mượn tiền, các bên không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả nợ là ngày 05/12/2016. Lần 3: Ngày 30/11/2016 Bà P cho bà L vay 13.000.000đ, khi vay hai bên có viết giấy mượn tiền, các bên thỏa thuận lãi suất là 11.000.000đ, không thỏa thuận thời hạn trả nợ cụ thể. Đã quá thời hạn trả nợ, mặc dù Bà P đã nhiều lần yêu cầu bà L trả số tiền gốc nói trên tuy nhiên, bà L không những không trả mà còn tìm cách né tránh. Nay Bà P yêu cầu Tòa án buộc bà L trả số tiền nợ gốc là 129.000.000đ, bà không yêu cầu tính lãi.

Theo bản tự khai đề ngày 19/6/2017 bà Trần Thị L trình bày: Vào khoảng tháng 03 hoặc tháng 04/2015 bà có quen với Bà P, Bà P hiểu hoàn cảnh của bà nên có dắt bà mượn một người quen của Bà P số tiền 25.000.000đ để chơi huê và Bà P bắt bà phải viết giấy nợ thành 30.000.000đ, mỗi ngày bà phải trả cho Bà P 1.000.000đ. Tháng đầu tiên bà trả đủ. Lần tiếp theo Bà P mượn giúp bà 25.000.000đ, mỗi ngày bà cũng phải trả 1.000.000đ cho Bà P. Bà trả được 17 ngày tương đương với 17.000.000đ và còn thiếu 13.000.000đ bà không trả nổi nên Bà P lại mượn thêm cho bà 25.000.000đ, lãi suất 5.000.000đ. Bà phải viết giấy thành 30.000.000đ, để trả dứt điểm 13.000.000đ cũ bà chưa trả, còn lại 12.000.000đ Bà P giao lại cho bà để bà làm ăn. Sau đó, bà không tiếp tục trả nợ được. Bà P có cho bà mượn sợi dây chuyền để cầm cố, khi bố Bà P mất bà mang mặt dây chuyền trả lại cho Bà P và mang sợi dây chuyền đi cầm được 3.000.000đ để trả lãi cho Bà P. Từ đó bà trốn Bà P, sau hai tháng Bà P bảo bà về để dọn dẹp phòng khách sạn trả nợ. Bà quay về làm được 5 ngày Bà P lại mượn giúp bà 10.000.000đ viết trong giấy thành 13.000.000đ, mỗi ngày bà phải trả 500.000đ tương đương 5.000.000đ tiền lãi/tháng, bà trả được 01 tháng 10 ngày sau đó không tiếp tục trả được nữa. Bà P tìm tới nhà bà viết lại giấy nợ là 86.000.000đ, Bà P không cho bà tự tính những khoản tiền và không cho bà viết giấy theo ý bà mà phải theo lời Bà P đọc. Bà chỉ còn nợ số tiền gốc của Bà P là 55.000.000đ.

Trong quá trình xét xử: Nguyên đơn Bà P yêu cầu bà L phải trả cho bà 129.000.000đ tiền gốc, bà không yêu cầu tiền lãi. Đối với giấy mượn tiền ngày 30/11/2016 có ghi số tiền lãi 11.000.000đ, tuy nhiên, bà không yêu cầu bà L phải trả số tiền lãi này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt phát biểu ý kiến về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như của Hội đồng xét xử tại phiên tòa. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Bà P, buộc bị đơn bà L phải trả cho Bà P số tiền 129.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án mặc dù đã được tống đạt hợp lệ nhưng bà L vắng mặt. Ngày 19/6/2017 bà L có mặt tham gia tố tụng tại phiên tòa và đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngưng phiên tòa để bà cung cấp chứng cứ về việc vay nợ với Bà P cũng như đề nghị Tòa án triệu tập người làm chứng. Tuy nhiên, khi Tòa án thông báo về việc mở lại phiên tòa mặc dù đã được tống đạt hợp lệ nhưng bà L vẫn vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử xử vắng mặt bà L theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan hệ tranh chấp: Giữa bà Trịnh Thị P và bà Trần Thị L có quen biết nhau, do đó, Bà P cho bà L vay tổng cộng số tiền 129.000.000đ chia làm 03 lần, việc vay tiền được các bên thể hiện bằng văn bản có chữ viết và chữ ký của bà L. Tuy nhiên, khi đến hạn trả nợ Bà P nhiều lần nhắc nhở bà L nhưng bà L không thực hiện theo đúng thỏa thuận nên phát sinh tranh chấp. Do đó, quan hệ tranh chấp giữa các bên là "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt giải quyết tranh chấp nói trên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: trên thực tế giữa bà Trịnh Thị P và bà Trần Thị L có xác lập giao dịch dân sự vay tiền, cụ thể như sau: Lần thứ nhất vào ngày 02/3/2016 Bà P có cho bà L vay số tiền 30.000.000đ, các bên không thỏa thuận về lãi suất chỉ thỏa thuận về thời hạn trả nợ là ngày 02/6/2016; Lần thứ hai vào ngày 24/11/2016 Bà P cho bà L vay số tiền 86.000.000đ, các bên không thỏa thuận lãi suất, chỉ thỏa thuận thời hạn trả nợ vào ngày 05/12/2016; Lần thứ ba vào ngày 30/11/2016 Bà P có cho bà L vay số tiền gốc 13.000.000đ, tiền lãi là 11.000.000đ (Đối với số tiền lãi 11.000.000đ thể hiện trong giấy nhận nợ này Bà P không yêu cầu bà L phải trả, bà chỉ yêu cầu tiền gốc là 13.000.000đ), các bên không thỏa thuận thời hạn trả nợ. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện các giao dịch vay tiền nói trên đều được lập thành văn bản, bà L thừa nhận do bà L viết và ký vào giấy mượn tiền. Sự thỏa thuận của các bên là tự nguyện,

mục đích và nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, tại thời điểm xác lập giao dịch các bên có năng lực hành vi và năng lực pháp luật dân sự phù hợp với giao dịch dân sự được xác lập vì vậy, giao dịch nói trên không bị vô hiệu, các bên phải thực hiện theo thỏa thuận là phù hợp. Bà L cho rằng đã trả được cho Bà P nhiều lần và tính đến thời điểm hiện tại bà chỉ còn nợ Bà P số tiền gốc là 56.000.000đ và việc viết giấy nhận nợ là do Bà P đọc cho bà L viết, nhưng bà L không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc trả nợ của mình cũng như việc bị ép buộc viết giấy nhận nợ nên không có cơ sở xem xét. Từ những nhận định trên, chấp nhận yêu cầu của Bà P, buộc bà L phải trả cho Bà P số tiền gốc là 129.000.000đ là phù hợp.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 117, 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Căn Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thị P.

2- Buộc bà Trần Thị L phải trả cho bà Trịnh Thị P số tiền 129.000.000đ (*Một trăm hai mươi chín triệu đồng*).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất các các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Bà Trần Thị L phải chịu 6.450.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Căn cứ biên lai thu số AA/2015/0008062 ngày 19/01/2017 của Chi cục thi hành án

dân sự thành phố Đà Lạt, hoàn trả cho bà Trịnh Thị P 3.225.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự. /.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND tp.Đà Lạt;
- Chi cục THADS tp. Đà Lạt;
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Thanh Tú

Hội thẩm nhân dân	**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**
Ha Tông – Păng Ting Nôck	**Đinh Thị Thanh Tú**